

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 550/TTr-STC ngày 17 tháng 10 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Quy định chung:

Nội dung quy định này chỉ quy định về định mức chi cụ thể trong phạm vi mức trần tối đa theo quy định chung. Những quy định khác về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các nội dung khác không nêu trong Quyết định này được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

2. Khung định mức nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước:

2.1. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước:



a) Hệ số tiền công lao động trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

TT	Chức danh	Hệ số tiền công ngày tính theo mức lương cơ sở	
		Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,55	0,28
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,34	0,17
3	Thành viên	0,18	0,09
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,11	0,06

Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 15% tổng dự toán tiền công lao động trực tiếp đối với chức danh Chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học, thành viên.

b) Thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài phối hợp nghiên cứu.

- Thuê chuyên gia trong nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại tiết a, điểm 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá mức quy định nêu trên hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 20% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Thuê chuyên gia ngoài nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 35% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, mục 2.1, khoản 2, Điều 1

Quyết định này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 35% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, mục 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c) Chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Người chủ trì	đồng/buổi hội thảo	1.100.000	550.000
2	Thư ký hội thảo	đồng/buổi hội thảo	400.000	200.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	đồng/báo cáo	1.400.000	700.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	đồng/báo cáo	700.000	350.000
5	Thành viên tham gia hội thảo	đồng/thành viên/buổi hội thảo	140.000	70.000

d) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Lập mẫu phiếu điều tra			
-	Đến 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu mẫu được duyệt	520.000	260.000
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu mẫu được duyệt	700.000	350.000
-	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu mẫu được duyệt	1.050.000	530.000
2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>			
-	Đến 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	20.000	10.000
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	30.000	15.000
-	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	30.000	20.000
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>			
-	Đến 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	50.000	25.000
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	60.000	30.000

-	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	70.000	35.000
3	Công tác phí cho người tham gia điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Bạc Liêu		
4	Phân tích mẫu điều tra, xử lý kết quả điều tra	đồng/đề tài, dự án	5.600.000	2.800.000

đ) Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
-	Chủ tịch hội đồng	đồng/nhiệm vụ	520.000	260.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	đồng/nhiệm vụ	350.000	175.000
-	Thư ký hành chính	đồng/nhiệm vụ	100.000	50.000
-	Đại biểu được mời tham dự	đồng/nhiệm vụ	70.000	35.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	180.000	90.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	240.000	120.000

e) Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: Chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

2.2. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Định mức chi tiền công hoạt động của các Hội đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH & CN	Hội đồng		
-	Chủ tịch hội đồng	đồng/người	700.000	350.000

-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	đồng/người	560.000	280.000
-	Thư ký hành chính	đồng/người	200.000	100.000
-	Đại biểu được mời tham dự	đồng/người	140.000	70.000
b	Chi nhận xét đánh giá			
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	200.000	100.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	350.000	175.000
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH & CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH & CN	Hội đồng		
-	Chủ tịch hội đồng	đồng/người	1.100.000	550.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	đồng/người	700.000	350.000
-	Thư ký hành chính	đồng/người	210.000	105.000
-	Đại biểu được mời tham dự	đồng/người	140.000	70.000
b	Chi nhận xét đánh giá			
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	350.000	175.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	490.000	245.000
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH & CN			
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	đồng/nhiệm vụ	490.000	245.000
-	Thành viên tổ thẩm định	đồng/nhiệm vụ	350.000	175.000
-	Thư ký hành chính	đồng/nhiệm vụ	210.000	105.000
-	Đại biểu được mời tham dự	đồng/nhiệm vụ	140.000	70.000
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH & CN			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu			
-	Chủ tịch hội đồng	đồng/nhiệm vụ	1.100.000	550.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	đồng/nhiệm vụ	700.000	350.000
-	Thư ký hành chính	đồng/nhiệm vụ	210.000	105.000
-	Đại biểu được mời tham dự	đồng/nhiệm vụ	140.000	70.000
b	Chi nhận xét đánh giá			
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	360.000	180.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá	500.000	250.000

b) Các khoản chi khác được thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành trên cơ sở định mức chi tiêu tài chính; chứng từ hợp lý, hợp lệ và dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Quyết định này sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2016 và thay thế Quyết định số 14/2008/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành định mức và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, DT(QĐUB06c) *Ng*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Nguyen*



Phan Như Nguyễn